

HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN HÀ NỘI

Lê Minh Đức*

Công nghiệp nông thôn Hà Nội có nhu cầu và tiềm năng phát triển rất lớn nhưng hiện nay còn nhỏ bé, lạc hậu. Nhà nước (Trung ương và Thành phố) đã có nhiều chính sách phát triển Công nghiệp nông thôn và các chính sách đó đã tác động tích cực tới phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội. Để phát triển Công nghiệp nông thôn Hà Nội xứng với tầm của Thủ đô cần phải hoàn thiện các chính sách phát triển công nghiệp nông thôn.

1. Kết quả và thành tựu chủ yếu của phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội

Công nghiệp nông thôn (CNNT) là một bộ phận của công nghiệp cả nước, được phân bố ở nông thôn và có quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, bao gồm các hoạt động sản xuất - kinh doanh của các bộ kinh tế gia đình, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác các nguồn lực ở địa phương, phục vụ thị trường địa phương, trong nước và nước ngoài. CNNT không bao gồm các doanh nghiệp lớn phục vụ cả nước và ít gắn với nông nghiệp, nông thôn, ví dụ: doanh nghiệp quy mô lớn của ngành điện xi măng, doanh nghiệp, quốc phòng...

CNNT chính thức trở thành thực thể kinh tế và trở thành đối tượng quản lý, có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, phát triển và quản lý bắt đầu khi có Nghị quyết số 134/2004/NĐ-CP ngày 06/06/2004 của Chính phủ về phát triển công nghiệp nông thôn.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HDH); Phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội và sau 8 năm thực hiện chính sách khuyến công, công nghiệp nông

thôn Hà Nội đã đạt những kết quả và thành tựu chủ yếu sau:

Một là, CNNT Hà Nội đã phát triển với quy mô, cơ cấu, tốc độ khá, tạo ra khối lượng không nhỏ sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu. Giá trị sản xuất của CNNT có tốc độ tăng lớn hơn tốc độ tăng của sản xuất công nghiệp chung toàn thành phố. Giai đoạn 2005 - 2010 nếu tốc độ tăng giá trị sản xuất nói chung toàn Thành phố là trên 16% thì tốc độ tăng giá trị sản xuất CNNT là 19,25%. Làng nghề, hiện nay là hình thức chủ yếu của CNNT Hà Nội. Hiện Hà Nội có 1350 làng có nghề, trong đó có 244 làng nghề truyền thống và 722 làng nghề được công nhận. Năm 2009, giá trị xuất khẩu của 1350 làng nghề có nghề đạt 7.650,87 tỷ đồng chiếm 26% giá trị sản xuất công nghiệp của thành phố. Năm 2010 giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực làng nghề đạt 8663 tỷ đồng tăng 13,23% so với 2009 và chiếm 8,3% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn Thành phố.

Ngành nghề và sản phẩm của CNNT Hà Nội đa dạng phong phú phục vụ cho sản xuất, đời sống, xuất khẩu, trong đó tập trung vào các mặt hàng, ngành nghề chính

* Lê Minh Đức, Thạc sĩ kinh tế, Chánh văn phòng UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

như: chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến gỗ lâm sản; sản xuất mây tre đan; dệt may; da giấy; gốm sứ; đồ đồng; khắc trại; sơn mài; thêu ren; điêu khắc; tạc tượng...

Giá trị xuất khẩu của khu vực làng nghề Hà Nội đạt: 754.9 triệu đô la chiếm hơn 11,86% so với kim ngạch xuất khẩu toàn thành phố (2009), sang năm 2010 kim ngạch xuất khẩu đạt 804,5 triệu đô la, tăng 6,57%.

Nhờ phát triển CNNT với quy mô, cơ cấu, tốc độ như vậy đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế xã hội của Hà Nội. Nếu năm 2000, cơ cấu kinh tế của Hà Nội là: Công nghiệp – xây dựng: 36,4%; nông lâm thủy sản: 10%; dịch vụ: 53,2% thì cơ cấu kinh tế của năm 2010 là: Công nghiệp – xây dựng: 41,9%; nông lâm thủy sản: 5,8% dịch vụ 52,4%.

Hai là, phát triển CNNT Hà Nội đã giải quyết nhiều việc làm đảm bảo thu nhập cho người lao động, thúc đẩy phân công lao động ở ngoại thành Hà Nội. Trong những năm qua các làng nghề của Hà Nội đã giải quyết việc làm cho 626.557 người, số người được giải quyết việc làm ở Hà Nội tăng từ 57.074 người (2005) lên 67.215 người (năm 2009), tăng 17,77%, trong đó giải quyết việc làm ở

khu vực dân doanh chủ yếu, mà các làng nghề là đối tượng giải quyết được nhiều việc làm. Đây chính là ý nghĩa lớn nhất của phát triển CNNT.

Ba là, CNNT Hà Nội đã đổi mới bước đầu về tổ chức sản xuất – kinh doanh để huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực của thành phố Hà Nội vào phát triển CNNT.

Sự đổi mới tổ chức sản xuất – kinh doanh được thể hiện rõ nét ở hai khía cạnh:

(1) Nếu như khoảng 15 năm trước đây, ở CNNT Hà Nội, hộ kinh tế gia đình là hình thức kinh doanh chủ yếu thì ngày nay ở nông thôn các doanh nghiệp dân doanh (công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã...), chiếm tỷ trọng ngày càng lớn và giữ vai trò ngày càng quan trọng. Hiện nay trên địa bàn của công nghiệp nông thôn Hà Nội có: 166.393 hộ sản xuất, 2063 công ty cổ phần, 4562 công ty TNHH, 1466 doanh nghiệp tư nhân, 164 hợp tác xã.

(2) Sau khi có quyết định 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của chính phủ về việc một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, cụm công nghiệp điểm công nghiệp đã phát triển nhanh ở Hà Nội (Bảng 1).

Bảng 1: Quy hoạch cụm công nghiệp (CCN), Điểm công nghiệp (DCN)

Tỉnh thành phố	Năm 2000		Năm 2004		Năm 2008		Năm 2010	
Hà Nội (cũ)	CCN:2	26,94	CCN:11		CCN:13	734		
Hà Tây (cũ)			CCN:21	591	CCN:24			
			DCN:56	422	DCN:49			
Hà Nội (mở rộng)							CCN:46	2616
							DCN:176	1315

Nguồn: Sở KH&ĐT, Sở Công thương Hà Nội.

Cụm công nghiệp là hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp theo lãnh thổ mới xuất hiện trong hơn 10 năm trở lại đây. Theo quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản

lý cụm công nghiệp thì cụm công nghiệp là khu vực các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có ranh giới địa lý xác định,

thu hút cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cá nhân, hộ gia đình ở địa phương và đầu tư sản xuất kinh doanh do Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương quyết định thành lập". Điểm công nghiệp thực chất là cụm công nghiệp nhưng có quy mô nhỏ, thường dưới 10ha.

Như vậy, việc đầu tư xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp đã phát huy tác dụng tích cực trong giải quyết mặt bằng sản xuất cho các cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn nông thôn Hà Nội từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác quản lý quy hoạch phát triển ngành nghề ở nông thôn thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Đánh giá tác động của chính sách phát triển CNNT Hà Nội

Nguyên nhân quan trọng không thể không kể tới của các kết quả, thành tựu trên trong phát triển CNNT Hà Nội là tác động tích cực của các chính sách phát triển CNNT. Đó là các chính sách do nhà nước Trung ương ban hành và cụ thể các chính sách đó cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Hà Nội, ví dụ từ chính sách phát triển CNNT (Nghị quyết 134/2004/NĐ-CP) cụ thể hoá thành chương trình khuyến công giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định 1697/QĐ - UBND).

Trong những năm qua, Hà Nội đã có những tiến bộ trong xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách phát triển CNNT, đã ban hành và thực hiện các chính sách khá đồng bộ nhằm khuyến khích phát triển CNNT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính sách phát triển CNNT có nhiều, trong đó có chính sách tác động

trực tiếp như chính sách khuyến công, chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề có chính sách tác động gián tiếp như: đào tạo nghề, thuế, lãi suất. Nếu căn cứ vào mục tiêu và nội dung của chính sách, có thể nhận thấy Hà Nội đã xây dựng thực hiện 3 nhóm chính sách phát triển CNNT

Nhóm 1: Các chính sách hỗ trợ tạo điều kiện cho phát triển CNNT như chính sách xây dựng nông thôn mới.

Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí quốc gia nông thôn mới và quyết định 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Căn cứ vào các quyết định của Chính phủ, Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội đã có nghị quyết số 03/2010/ND-HĐND về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, định hướng 2030. Nghị quyết đã xác định mục tiêu chung của đề án là "Xây dựng nông thôn mới thủ đô Hà Nội có kinh tế toàn diện, bền vững, CSHT được xây dựng đồng bộ, hiện đại,...". Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng nông thôn mới ở Hà Nội tập trung vào các vấn đề: i) Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch; ii) Đầu tư xây dựng CSHT kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ hiện đại gắn với phát triển đô thị; iii) Văn hoá - Xã hội - Môi trường; iv) Kinh tế và tổ chức sản xuất nông thôn; v) Củng cố nâng cao chất lượng và vai trò của chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp cơ sở.

Nhóm 2: Chính sách khuyến khích phát triển CNNT điển hình nhất là Nghị định 134/2007/ND-CP ngày 9/6/2007 về khuyến khích phát triển CNNT. Hà Nội đã cụ thể hoá nghị định thành Quyết định 1146/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 về chương trình khuyến công của Hà Nội. Mục tiêu của nghị định 134/2004/ND-CP là: "Nhà nước tổ

ng nghị định 134/2004/NĐ-CP là: “Nhà nước tổ chức hoạt động khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ và đào tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn (dưới đây gọi tắt là hoạt động khuyến công) nhằm mục tiêu sau:

- Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn và các dịch vụ khuyến công theo quy hoạch phát triển công nghiệp của cả nước và từng địa phương.

- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa nhà nước và nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nội dung hoạt động khuyến công, bao gồm:

(1) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, tuyển dụng, đào tạo lao động, huy động vốn, xin ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng, lãnh thổ và địa phương.

(2) Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hoá sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

(3) Hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng dây

chuyền sản xuất mới mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

(4) Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề.

(5) Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề.

(6) Tổ chức hoạt động trao đổi kinh nghiệm tham quan khảo sát, hỗ trợ và tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất CNNT liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế tham gia các Hiệp hội ngành nghề.

(7) Xây dựng cấu hình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thực hiện dịch vụ tư vấn khoa học – công nghệ để hỗ trợ tổ chức, cá nhân đảm bảo tài sản, sản xuất CNNT.

- **Nhóm 3:** điều tiết, kiểm tra, giám sát về mặt tài chính giải quyết khó khăn về vốn cho sản xuất kinh doanh: Đó là các chính sách tài chính - tiền tệ như: thuế, lãi suất, cho vay.

Như vậy các nhóm chính sách này đã bao quát có thể nói đến mọi khâu, mọi mặt của quá trình sản xuất kinh doanh công nghiệp từ xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất – kinh doanh công nghiệp đến sản xuất tiêu thụ của ngành nghề, sản phẩm; từ hiện vật đến giá trị.

Trong những năm 2009 – 2011 nền kinh tế thế giới và trong nước lâm vào tình trạng suy thoái, lạm phát cao, Nhà nước phải áp dụng chính sách tài chính – tiền tệ thắt chặt để kiểm chế lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an ninh xã hội... nhưng hoạt động khuyến công vẫn được coi trọng và kinh phí cho hoạt động khuyến công vẫn được tăng lên (Bảng 2).

Bảng 2. Kinh phí khuyến nông Hà Nội giai đoạn 2005 – 2010*Đơn vị tính: 1000 đồng*

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Giai đoạn 2005 – 2010	Tăng bình quân giai đoạn 2005 – 2010 (%)
- Kinh phí khuyến công cả nước	34.056	51.102	70.902	103.940	131.949	149.050	541.001	34.35
- Kinh phí khuyến công Hà Nội	1.630	2.596	3.153	10.107	10.938	13.570	41.994	52.78

Nguồn: Sở Tài chính Hà Nội.

Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp thành phố đã chi giai đoạn 2005 – 2009: 22,81 tỷ đồng, năm 2010: 11,5 tỷ đồng cho các chương trình; i) Chương trình truyền nghề và nhóm cấy nghề với tổng kinh phí 18,94 tỷ đồng hỗ trợ truyền nghề cho 40.800 lao động, trong đó có 1000 lao động và 250 thợ giỏi được đào tạo nâng tay nghề; ii) chương trình nâng cao năng lực quản lý, giai đoạn 2005 – 2010 với tổng kinh phí: 4,14 tỷ đồng đã tổ chức tập huấn khuyến công, khởi sự doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng quản trị cho 3000 lượt cán bộ làm công tác khuyến công. 5010 lượt lãnh đạo, quản trị doanh nghiệp; tổ chức 10 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm trong nước và 4 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm nước ngoài; iii) giành 4,58 tỷ đồng cho thực hiện 14 mô hình trình diễn kỹ thuật, hỗ trợ 53 doanh nghiệp cơ sở sản xuất đầu tư đổi mới ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; iv) Giành 3,1 tỷ đồng hỗ trợ cho 71 cơ sở tham gia triển lãm chuyên ngành trong nước và quốc tế. Triển khai hỗ trợ đăng ký 02 thương hiệu tập thể. Trung tâm đã xây dựng chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2011 - 2015 với tổng kinh

phí thực hiện 235 tỷ đồng để thực hiện 7 nội dung trọng tâm.

Trong khi thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng để kiềm chế lạm phát, Nhà nước vẫn tập trung ưu tiên tiền vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, khi các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là doanh nghiệp CNNT gặp nhiều khó khăn, lâm vào tình trạng phá sản thì chính sách tài chính - tiền tệ đã có sự thay đổi linh hoạt theo hướng giảm khó khăn cho các doanh nghiệp, duy trì, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh. Nhà nước đã kịp thời ban hành, thực hiện một số chính sách như:

Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 về quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 08/2011/QH13 về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Nhà nước giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công,

chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử, xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Giảm lãi suất huy động kỳ hạn từ 1 tháng đến 12 tháng từ 14%/năm xuống còn 13% năm (áp dụng từ 3/2012).

Tuy nhiên việc xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách phát triển CNNT Hà Nội còn *một số nhược điểm* sau đây:

- Chất lượng của các quy hoạch còn thấp, do đó tính khả thi của quy hoạch thấp, còn không ít “quy hoạch treo”.

- Phát triển CNNT Hà Nội đã gây tác động xấu tới môi trường làm ảnh hưởng không tốt tới sản xuất và đời sống. Nhưng chưa có chính sách toàn diện, đồng bộ, cụ thể, đủ mạnh của Nhà nước và với doanh nghiệp để hạn chế gây ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường.

- Một số chính sách khuyến công quy định tại Nghị định 134 chưa được thực hiện nhiều như chính sách đất đai, chính sách ưu tiên đầu tư theo ngành nghề, sản phẩm, chính sách khoa học công nghệ...

3. Hoàn thiện các chính sách phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020

3.1. Thời cơ, thách thức và mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn Hà Nội 2011 – 2020.

Bước vào thời kỳ 2011 – 2020, CNNT Hà Nội đứng trước cơ hội rất lớn, đó là:

- Thành tựu đạt được của những năm đổi mới từ 1986 đến nay và trực tiếp là năm 2011 vừa qua đã tạo tiền đề quan trọng cho tiếp tục phát triển CNNT. Trong giai đoạn 10 năm (2001 – 2010) thực hiện Nghị quyết 15 – NQ/TU của Bộ Chính trị khóa VIII về

phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001 – 2010 kinh tế Thủ đô phát triển nhanh và tương đối ổn định, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân 10,85% năm, cao gấp 1,5 lần tốc độ GDP của cả nước. Năm 2011, trong bối cảnh đầy biến động và khó khăn của tình hình thế giới và trong nước, tăng trưởng GDP của Hà Nội đạt 10,13% cao hơn 1,67 lần của cả nước.

- Thành phố Hà Nội có những lợi thế so với các tỉnh, thành phố khác trong phát triển CNNT. Trước hết, Hà Nội có số lượng làng nghề lớn nhất của cả nước và có những làng nghề nổi tiếng cả nước. Hà Nội có 1350 làng có nghề chiếm gần 59% tổng số làng trên địa bàn Hà Nội và chiếm 45% tổng số làng nghề cả nước. Hà Nội có tiềm năng rất lớn về lao động trong CNNT. Hà Nội có 116 “Nghệ nhân”, có 77 trường Đại học và cao đẳng, 45 trường trung cấp chuyên nghiệp và 279 trường công nhân kỹ thuật, đặc biệt trên địa bàn còn có các trường mỹ thuật. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 23%.

- Bộ Chính trị đã có nghị quyết 15-NQ - TW khóa VIII về nhiệm vụ, phương hướng, phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2001 – 2010 và gần đây có nghị quyết 11-WQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2011 – 2020. Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và chiến lược xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Đây là điểm tựa để phát triển thủ đô nói chung và phát triển CNNT Hà Nội nói riêng.

Mặt khác phát triển CNNT của Hà Nội cũng đứng trước các thách thức lớn, như: “Kinh tế phát triển chưa toàn diện; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh nhìn chung còn thấp. Các nguồn lực về vốn,

nhân lực và công nghệ trên địa bàn chưa được khai thác tốt kinh tế tri thức, hàm lượng chất lượng chất xám nên giá trị tăng cao của các ngành kinh tế chủ lực chưa thể hiện rõ nét. Sức lan toả của một “trung tâm kinh tế lớn” một “động lực kinh tế” trong vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước còn hạn chế” (1)

Phát triển CNNT Hà Nội thời kỳ 2011 – 2020 cần quán triệt và thực hiện các mục tiêu chủ yếu sau:

Phát triển CNNT một bộ phận quan trọng của công nghiệp Thành phố phải nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu là: xây dựng, phát triển thành phố Hà Nội xứng đáng là Thủ đô và phấn đấu để Hà Nội về đích sớm 1 - 2 năm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết số 11 – NQ/TU của Bộ Chính trị ngày 6-1-2012 đã chỉ rõ “Xây dựng và phát triển thủ đô Hà Nội xứng đáng với vai trò là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển toàn của vùng Đồng Bằng Sông Hồng và cả nước; có kinh tế - xã hội phát triển toàn diện, bền vững, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh tiếp tục được củng cố, tăng cường, hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phấn đấu để Hà Nội thực sự là địa phương đi đầu, về đích sớm 1-2 năm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

Đổi mới mô hình tăng trưởng CNNT Hà Nội theo hướng:

+ Kết hợp phát triển theo chiều rộng và theo chiều sâu, trong đó lấy phát triển theo chiều sâu là chủ yếu. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp chủ lực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, nâng cao

chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp mũi nhọn.

+ Kết hợp truyền thống với hiện đại, tranh thủ hiện đại.

+ Lựa chọn để phát triển các ngành nghề theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, mang những nét văn hóa độc đáo riêng của Hà Nội.

Phấn đấu đến hết năm 2015 tỷ trọng CNNT sẽ chiếm 20-25% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn Thành phố, kim ngạch xuất khẩu trên 300 triệu đô la, mỗi năm tạo 800-10.000 việc làm.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển Công nghiệp nông thôn Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020

- Một là, chú trọng xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển CNNT

Chiến lược và quy hoạch phát triển CNNT là khâu đi trước, làm cơ sở và có ý nghĩa quyết định đối với định hướng, xác định nhiệm vụ chủ yếu, đảm bảo tính hiệu quả, tính bền vững trong phát triển CNNT. Chiến lược và quy hoạch định hướng phát triển dài hạn cho phát triển CNNT. So với chiến lược quy hoạch có tính chất cụ thể hơn. Quy hoạch phát triển CNNT xác định mục tiêu, định hướng, giải pháp và cơ chế chính sách, trong đó xác định ngành nghề, sản phẩm của CNNT và tổ chức sản xuất công nghiệp theo không gian lãnh thổ. Trong những năm vừa qua Hà Nội đã xây dựng một phần của quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn như: quy hoạch phát triển làng nghề, quy hoạch cụm công nghiệp, điểm công nghiệp. Tuy nhiên chất lượng của các quy hoạch được xây dựng và duyệt chưa cao, tính khả thi của một số quy hoạch còn thấp. Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã

hội Thủ đô đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Vì vậy cần coi trọng xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển CNNT.

Có thể đổi mới, hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển CNNT theo các hướng chủ yếu sau:

Gắn quy hoạch phát triển CNNT với quy hoạch phát triển công nghiệp Hà Nội, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, chương trình xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch đô thị hoá.

- Đổi mới phân công, phân cấp làm quy hoạch. Cần xác định ai làm quy hoạch và phê duyệt quy hoạch, ai làm chủ đầu tư, ai xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Về nội dung của quy hoạch cần chú ý 2 loại quy hoạch

+ Quy hoạch phát triển CNNT. Nên xác định: ngành nghề và sản phẩm mới; ngành nghề, sản phẩm nào sẽ tồn tại phát triển lâu dài; ngành nghề, sản phẩm nào đến thời điểm nào đó sẽ không tồn tại hoặc bị công nghiệp hiện đại thay thế.

Không nên phát triển tự phát, tràn lan, cũng không nên chỉ chú ý đến tăng trưởng mà cần chú ý đến sự phát triển bền vững. Một số sản phẩm sản xuất gây ô nhiễm nặng, hoặc nếu có biện pháp xử lý môi trường quá tốn kém mà vẫn không có hiệu quả thì có thể không sản xuất những sản phẩm đó nữa (ví dụ gạch thủ công, nhuộm vải thủ công...); hiện nay có thể tập trung vào một số nhóm ngành mà nó có lợi thế và có khả năng đáp ứng nhu cầu như:

Phát triển công nghệ cao

Khôi phục, phát triển ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống, đặc biệt là hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu

Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản

Ngành công nghiệp hỗ trợ.

+ Xây dựng quy hoạch phát triển cụm, điểm công nghiệp và gắn nó với quy hoạch phát triển khu công nghiệp.

Phát triển cụm, điểm công nghiệp đã mang lại nhiều lợi ích và tác dụng đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giải quyết việc làm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, do đó cần được tiếp tục thực hiện xây dựng quy hoạch phát triển.

- Hai là, ưu tiên chính sách xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp nông thôn

Cơ sở hạ tầng (CSHT) của CNNT là tổng thể các cơ sở vật chất, kỹ thuật và xã hội đóng vai trò nền tảng cho phát triển CNNT. CSHT của phát triển CNNT bao gồm: i) CSHT kỹ thuật như hệ thống giao thông, kho tàng, bến bãi... và ii) CSHT xã hội như: các cơ sở đào tạo, chợ nông thôn, y tế nhà ở, dịch vụ ngân hàng, bảo vệ an ninh...CSHT có vai trò quan trọng đối với phát triển. Sự yếu kém về CSHT tạo ra "nút thắt" trong phát triển CNNT, vì vậy nó là khâu đột phá trong phát triển; cần được ưu tiên với quan điểm "cơ sở hạ tầng đi trước một bước" và xây dựng CSHT theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Xây dựng CSHT phát triển CNNT cần tập trung vào giải quyết một số vấn đề cơ bản sau:

Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ và cung cấp điện.

Xử lý ô nhiễm môi trường trong phát triển CNNT.

Vấn đề nổi cộm nhất, cơ bản nhất khi phát triển CNNT là phải giải quyết mối

quan hệ giữa tăng trưởng, thu hút đầu tư, phát triển các cơ sở sản xuất – kinh doanh, với việc giảm thiểu ô nhiễm và xử lý ô nhiễm trong quá trình sản xuất. Như chúng ta đều rõ: phát triển CNNT thường đi kèm ô nhiễm môi trường, bao gồm: ô nhiễm nguồn nước và không khí, ô nhiễm chất thải, ô nhiễm hoá chất..., Sự ô nhiễm đó là nguyên nhân gây ra các bệnh (ngoài da, phổi, mắt, ung thư và một số bệnh khác...) và cản trở, cho phát triển nông nghiệp và du lịch.

Kỹ thuật giải quyết ô nhiễm môi trường không phức tạp lắm, nhưng chưa được chú ý, các biện pháp kỹ thuật để xử lý ô nhiễm còn thiếu, do tổn tiền đầu tư của các cơ sở, do cơ sở muốn đẩy trách nhiệm xử lý môi trường cho người khác và cho xã hội, do Nhà nước coi nhẹ việc kiểm tra xử lý ô nhiễm môi trường và do xã hội cũng chưa sản xuất và cung ứng nhiều máy móc thiết bị thích hợp với giá chấp nhận được cho CNNT. Vì vậy, ô nhiễm môi trường ở Hà Nội hiện nay vẫn là trầm trọng. Để khắc phục ô nhiễm môi trường trong phát triển CNNT theo chúng tôi cần chú các biện pháp (1) phát triển cơ sở hạ tầng để xử lý chất thải (rắn, nước...); (2) áp dụng công nghệ thân thiện môi trường; (3) thiết kế, sản xuất và cung ứng một số dây chuyền và thiết bị xử lý môi trường với quy mô nhỏ, giá không đắt để bán cho các cơ sở sản xuất – kinh doanh ở CNNT; (4) nhà nước cần hỗ trợ cho vay với lãi suất thấp để thực hiện dự án xử lý môi trường.

Đào tạo nhân lực cho phát triển CNNT.

Tạo ra nguồn lực có chất lượng cao 1 trong 3 yếu tố (nhân lực, kết cấu hạ tầng, thể chế) gây ra nút thắt trong phát triển kinh tế – xã hội nói chung, CNNT nói riêng. Đào tạo nhân lực cho phát triển CNNT có nhu cầu rất lớn, là đòi hỏi cấp bách và có vai

trò quan trọng đối với phát triển CNNT. Phải đổi mới đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển CNNT và chú ý một số biện pháp như: i) Coi trọng và cải tiến công tác điều tra nhu cầu đào tạo; ii) Thu hút các doanh nghiệp, các nghệ nhân và liên kết với các trường, các viện trong đào tạo nhân lực cho CNNT. Đây là sự thể hiện kết hợp công tư, xã hội hoá trong đào tạo nhân lực; iii) Đổi mới nội dung chương trình và hình thức đào tạo.

- Ba là, cụ thể hoá các chính sách ưu tiên ngành nghề và sản phẩm.

CNNT gồm nhiều ngành nghề, sản xuất ra nhiều loại sản phẩm. Nền kinh tế càng phát triển ngành nghề sản phẩm của CNNT càng phát triển và phức tạp.

Để công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh, có hiệu quả và bền vững việc lựa chọn ngành nghề, sản phẩm của CNNT cần ưu tiên có ý nghĩa quan trọng.

Quy định của Nghị định 134/2004/NĐ-CP về ngành nghề, sản phẩm được ưu tiên đến nay không hoàn toàn phù hợp cần sửa đổi. Nên bổ sung những ngành nghề, sản phẩm được ưu tiên trong điều kiện hiện nay là: ngành nghề và sản phẩm mà sử dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, công nghiệp hỗ trợ.

Chính sách ưu tiên ngành nghề, sản phẩm phải được thể hiện đồng bộ ở các chính sách ưu tiên như: chính sách đầu tư, chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách đào tạo, chính sách khoa học công nghệ, chính sách cho vay.

- Bốn là, chú trọng chính sách thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ trong phát triển CNNT Hà Nội.

Trình độ công nghệ lạc hậu do thiếu vốn và nguồn lực để ứng dụng tiến bộ khoa học –

công nghệ (TBKH – CN) và đổi mới công nghệ (ĐMCN) dẫn tới khả năng cạnh tranh của CNNT còn thấp. Muốn vượt qua khỏi vòng luẩn quẩn này, bản thân CNNT không đủ sức mà còn có các chính sách khuyến khích áp dụng TBKH – CN và ĐMCN và ĐMCN vào sản xuất CNNT. Các chính sách khuyến khích áp dụng TBKH – CN và CNNT cần mạnh mẽ và toàn diện hơn hiện nay, cụ thể là:

- Chính sách không chỉ tạo ra nguồn vốn lớn hơn cho TBKH – CN và đổi mới công nghệ mà còn phải làm tăng nguồn lực cho ứng dụng TBKH – CN và ĐMCN, cung cấp các thông tin về tiến bộ KH – CN và ĐMCN, tư vấn chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu phát triển, hỗ trợ áp dụng hệ thống quản trị chất lượng...

- Giúp đỡ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật mới, hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, chuyển giao công nghệ.

- Giúp CNNT trong lĩnh vực thiết kế mẫu mã, sản phẩm mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị quyết số 11 – NQ/TU của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020.

Nghị quyết số 134/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/06/2004 về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội.

Quyết định số 108/QĐ TTg ngày 06/07/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 về phê duyệt đề án Bảo tồn và phát triển làng nghề Hà Nội giai đoạn 2010 – 2020.

Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 09/04/2011 về phê duyệt chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2011 – 2015.

Niên giám thống kê Hà Nội năm 2010. Cục thống kê thành phố Hà Nội. Hà Nội 5/2011.

Bộ Công thương. Số 34/BC – BTC. Báo cáo tổng kết 6 năm thực hiện Nghị định 134/2004/NĐ-CP.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TRONG SẢN XUẤT CÁ TRA

Phạm Bảo Dương*

Hà Thị Thanh Mai**

Tuy được ghi nhận là một trong những ngành mũi nhọn của nông nghiệp Việt Nam, sản xuất và chế biến cá tra đang phải đối mặt với nhiều thách thức, đó là các rủi ro. Trong bối cảnh Việt Nam chưa có chính sách đặc thù về quản lý rủi ro trong sản xuất cá tra, việc hệ thống hóa các vấn đề lý luận sẽ góp phần làm nền tảng cho các quyết định chính sách của Chính phủ và các Bộ, Ngành. Bài viết này làm rõ khái niệm về rủi ro, quản lý rủi ro và chính sách quản lý rủi ro trong sản xuất cá tra. Bên cạnh đó, bài viết chỉ ra: cần thiết phải sử dụng tiếp cận tổng thể và tiếp cận ngành hàng trong chính sách quản lý rủi ro trong sản xuất cá tra. Trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm của thế giới trong quản lý rủi ro đối với sản xuất nông nghiệp, bài viết khuyến nghị 10 công cụ quản lý rủi ro trong sản xuất cá tra bao gồm: quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; cung cấp dịch vụ khuyến ngư; quản lý chất lượng đầu vào; đầu ra; kiểm soát dịch bệnh; tăng cường cung cấp thông tin thị trường; duy trì sự ổn định của giá cả; tạo lập và phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp; cứu trợ nhân đạo; dẫn nợ, hỗ trợ tín dụng, giảm thuế; xây dựng hệ thống thu nhận thông tin và cảnh báo rủi ro.

Từ khóa: Quản lý rủi ro, chính sách quản lý rủi ro, sản xuất cá tra

1. Mở đầu

Sản xuất và chế biến cá tra là một trong những ngành mũi nhọn của nông nghiệp Việt Nam. Giá trị xuất khẩu của cá tra năm 2011 đạt 1,805 tỷ USD, chiếm 31.1% tổng giá trị xuất khẩu ngành thủy sản¹. Ngành sản xuất và chế biến cá tra đang phát triển hết sức mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1998-2007 là 68%/năm về kim ngạch xuất khẩu². Nhận thức được tầm quan trọng của sản xuất cá tra, năm 2010, sản phẩm cá tra đã được Chính phủ đưa vào nhóm sản phẩm chiến lược của Việt Nam (413/VPCP-KTN ngày 19/01/2010).

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, sản xuất cá tra đang phải đối mặt với không ít các thách thức, đó là các rủi ro. Hiện tượng 30% diện tích hầm nuôi cá tra ĐBSCL lâm vào tình trạng “treo hầm” năm 2010 là một ví dụ điển hình về rủi ro giá cả². Bên cạnh đó, người sản xuất cá tra thường xuyên phải hứng chịu các rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, do những thay đổi về thể chế, do áp dụng kỹ thuật không phù hợp, rủi ro về tài chính- tín dụng và rủi ro về con người.

Hiện nay chưa có nghiên cứu nào về rủi ro và quản lý rủi ro trong sản xuất cá tra,

* Phạm Bảo Dương, Tiến sĩ, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

** Hà Thị Thanh Mai, Thạc sĩ, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

¹ Theo <http://vneconomy.vn/20120202095710POC19/xuat-khau-ca-tra-co-the-dat-2-ty-usd-trong-nam-2012.htm>

² Bộ NN&PTNT, Báo cáo Quy hoạch phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, tháng 9/2008.